

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2026/DS-ST
Ngày 06-8 -2026
V/v T/c hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Hoàng Dẫn
2. Bà Hồ Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Huỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 06/8/2026, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 408/2026/TLST-DS ngày 09/7/2026 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 492/2026/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/07/1959, CCCD số: 094159006038 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021. Địa chỉ: Số A, xã Đ, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị N1, sinh năm ngày 20/02/1962, CCCD số 094162009717 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/7/2021. Địa chỉ: Số A, xã Đ, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Văn C, sinh ngày 19/01/1962, CCCD số 094162009717 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/7/2021. Địa chỉ: Số A, xã Đ, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

đơn khởi kiện ngày 08/7/2026 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì:

Vào ngày 06/10/2023, bà Trần Thị N1 vay của Nguyễn Thị N số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để mua vàng trả nợ. Bà N1 có ký tên và lấn tay vào giấy tay mượn nợ. Sau đó đến ngày 11/9/2024, bà N1 lại tiếp tục vay thêm của bà N số tiền 20.000.000 đồng nữa dù số nợ trước đó bà N1 vẫn chưa trả cho bà

N. Bà N1 có tự tay ký tên vào giấy mượn nợ. Vì vậy số tiền mà bà N1 còn nợ bà N đến nay chưa trả là 40.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Trần Thị N1 phải có trách nhiệm trả lại cho bà N số tiền còn thiếu là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của Nhà nước đối với số tiền 40.000.000 đồng kể từ ngày bà N cho bà N1 vay tiền là ngày 11/09/2024 cho đến khi xét xử xong vụ án.

Tại phiên tòa, bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà N1 trả số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng theo giấy viết tay ngày 06/10/2023 do bà N cho rằng số tiền này bà N1 vay của còn bà tên H. Trong vụ án này bà chỉ yêu cầu bà N1 trả số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng theo giấy viết tay ngày 11/9/2024 và lãi của số tiền này từ ngày 11/9/2024 đến ngày xét xử với mức lãi suất theo quy định của nhà nước là $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng} = 3.458.000 \text{ đồng}$.

- *Bị đơn bà Trần Thị N1 trình bày:* Bà thừa nhận có vay của bà N số tiền 20.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà N số tiền này nhưng bà chỉ đồng ý trả lãi của số tiền này là 1.000.000 đồng và trả số tiền này trong vòng 03 tháng, do bà cho rằng trong quá trình vay đã đóng lãi nhiều cho bà Nguyễn Thị N với lãi suất 10%/tháng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn C trình bày:* Ông thống nhất với ý kiến của bà Trần Thị N1 về việc bà N1 chỉ nợ bà N 20.000.000 đồng và đồng ý cùng bà N1 trả cho bà N số tiền này và tiền lãi là 1.000.000 đồng do quá trình vay thì vợ chồng ông đã đóng lãi rất nhiều cho bà N với lãi suất 10%/năm. Nếu vợ chồng ông không đóng lãi cho bà N trong thời gian dài thì bà N đã khởi kiện từ lâu để yêu cầu trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Trần Thị N1 trả cho bà số tiền còn nợ 20.000.000 đồng theo giấy viết tay ngày 06/10/2023. Xét thấy việc bà N1 rút lại yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án, nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị N1 trả số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất của số tiền này là 0,83%/tháng từ ngày 11/9/2024 đến ngày 06/8/2026. Bị đơn bà Trần Thị N1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn C thừa nhận có nợ bà N số tiền 20.000.000 đồng, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Mặc dù bà N1, ông C thừa nhận còn nợ bà N số tiền 20.000.000 đồng nhưng hai bên không thống nhất số tiền lãi mà bà N1, ông C phải thanh toán, bà N yêu cầu vợ chồng bà N1 thanh toán số tiền lãi của số tiền 20.000.000 đồng là $20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng} = 3.458.000 \text{ đồng}$, khấu trừ số tiền 1.000.000 đồng mà bà N1 đã trả cho bà thì số tiền lãi còn lại bà N1 phải thanh toán cho bà là 2.458.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi bà N1 phải thanh toán cho bà là 22.458.000 đồng, tuy nhiên phía bà N1, ông C chỉ đồng ý thanh toán tiền lãi là 1.000.000 đồng và tiền vốn 20.000.000 đồng, tổng cộng là 21.000.000 đồng.

[4] Xét thấy, giao dịch vay tiền giữa bà Nguyễn Thị N với bà Trần Thị N1 là tự nguyện, khi giao kết hai bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Sau khi vay tiền, bà N1 là người vi phạm nghĩa vụ vì không thực hiện việc thanh toán vốn lãi cho bà N. Mặc dù bà N1, ông C có đóng lãi nhiều cho bà N với lãi suất 10%/tháng nhưng ông bà không chứng minh được hai bên thỏa thuận mức lãi suất này và không chứng minh được đã đóng lãi cho bà N theo lãi suất này với số tiền bao nhiêu, bà N chỉ thừa nhận hai bên thỏa thuận lãi suất 6%/tháng và bà N1, ông C đã đóng lãi 1.000.000 đồng. Do đó, việc bà N khởi kiện yêu cầu bà N1 trả số tiền tổng cộng là 22.458.000 đồng trong đó có số tiền vốn 20.000.000 đồng và 2.458.000 đồng lãi là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ông Hồ Văn C xác nhận số tiền còn nợ là nợ chung của ông và bà N1 và đồng ý cùng bà N1 trả cho bà N số tiền còn nợ, bà N cũng đồng ý việc ông C cùng trả nợ với bà N1 nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 27,37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông C cùng có trách nhiệm liên đới với bà N1 trả nợ cho bà N.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn Trần Thị N1 và ông Hồ Văn C phải liên đới chịu số tiền án phí là 1.123.000 đồng nhưng được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025);

- Căn cứ Điều 117, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27,37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ, Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc bị đơn ông Hồ Văn C và Trần Thị N1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền còn nợ là 22.458.000 đồng (trong đó có 20.000.000 đồng vốn và tiền lãi của số tiền này từ ngày 11/9/2024 là 2.458.000 đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Hồ Văn C và bà Trần Thị N1 còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho bà Nguyễn Thị N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn C và bà Trần Thị N1 được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi. Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí và được miễn tạm ứng án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND KV10-Cần Thơ;
- THADS TPCT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Tư

